

Bản án số: 46/2026/HS-ST

Ngày: 25/02/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Xuân Ánh**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Trần Thị Dung**

2. Ông **Phan Công Ny**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phan Thị Ngọc Diệp** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Trần Bửu Thanh** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 01/2026/TLST-HS, ngày 02 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2026/QĐXXST-HS, ngày 20 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2026/HSST-QĐ, ngày 11 tháng 02 năm 2026; Đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trang Văn Dư H; - Giới tính: Nam;

- Tên gọi khác:

- Sinh ngày 25/10/2005;

- Nơi sinh: Cần Thơ;

- Quốc tịch: Việt Nam;- Dân tộc: Kinh;- Tôn giáo: Không;

- Nơi cư trú: ấp B, phường Đ, thành phố Cần Thơ;

- Trình độ học vấn: 4/12; - Nghề nghiệp: Tài xế;

- Họ và tên cha: Trang Văn D, sinh năm 1971 (sống);

- Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị D1, sinh năm 1981 (sống);

- Chị ruột: Có 01 người;

- Tiền án, tiền sự: Chưa.

- Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 06/9/2025 và chuyển tạm giam ngày 15/9/2025 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Ninh Kiều thuộc Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố C - có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trần Văn T; - Giới tính: Nam;

- Tên gọi khác:

- Sinh ngày 01/01/1990;

- Nơi sinh: Cần Thơ;

- Quốc tịch: Việt Nam;- Dân tộc: Kinh;- Tôn giáo: Không;

- Nơi cư trú: ấp M, xã H, thành phố Cần Thơ;

- Trình độ học vấn: 8/12; - Nghề nghiệp: Không;

- Họ và tên cha: Trần Văn T1, sinh năm 1960 (sống);
- Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Anh T2, sinh năm 1962 (sống);
- Anh ruột: Có 03 người;
- Con ruột: Có 02 người;
- Tiền án: 01 lần. Ngày 30/11/2018 bị Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ tuyên phạt 05 năm 6 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành án xong ngày 19/11/2022;
- Tiền sự: Chưa.
- Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 06/9/2025 và chuyển tạm giam ngày 15/9/2025 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Ninh Kiều thuộc Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố C - có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Quốc T3; - Giới tính: Nam;

- Tên gọi khác:
- Sinh ngày 22/9/2004;
- Nơi sinh: Cần Thơ;
- Quốc tịch: Việt Nam;- Dân tộc: Kinh;- Tôn giáo: Không;
- Nơi thường trú: ấp X, xã P, thành phố Cần Thơ;
- Nơi ở hiện tại: ấp X, phường Đ, thành phố Cần Thơ;
- Trình độ học vấn: 9/12; - Nghề nghiệp: Làm vườn;
- Họ và tên cha: Nguyễn Văn L, sinh năm 1967 (sống);
- Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1967 (sống);
- Anh, chị ruột: có 02 người;
- Họ và tên vợ: Nguyễn Anh Đ, sinh năm 2005;
- Con ruột: Có 01 người;
- Tiền án: Chưa.
- Tiền sự: 01 lần. Ngày 29/11/2024 bị Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang (nay là phường N, thành phố Cần Thơ) phạt 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.
- Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Lương Huỳnh Vĩnh L2; - Giới tính: Nam;

- Tên gọi khác:
- Sinh ngày 17/6/1988;
- Nơi sinh: Cần Thơ;
- Quốc tịch: Việt Nam;- Dân tộc: Kinh;- Tôn giáo: Không;
- Nơi cư trú: số H, khu vực 2, phường N, thành phố Cần Thơ;
- Trình độ học vấn: 9/12; - Nghề nghiệp: Chăn nuôi;
- Họ và tên cha: Lương Văn T4, sinh năm 1960 (sống);
- Họ và tên mẹ: Bùi Thị M, sinh năm 1961 (sống);
- Họ và tên vợ: Lê Kim T5, sinh năm 1989;
- Con ruột: Có 01 người;
- Tiền án, tiền sự: Không.
- Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Phạm Hải Đ1; - Giới tính: Nam;

- Tên gọi khác:
- Sinh ngày 10/12/1996;
- Nơi sinh: Cần Thơ;

- Quốc tịch: Việt Nam;- Dân tộc: Kinh;- Tôn giáo: không;
- Nơi cư trú: ấp S, phường Đ, thành phố Cần Thơ;
- Trình độ học vấn: 10/12; - Nghề nghiệp: Sửa xe;
- Họ và tên cha: Phạm Hữu D2, sinh năm 1962 (sống);
- Họ và tên mẹ: Trần Thị N (chết);
- Em ruột: Có 01 người;
- Họ và tên vợ: Phạm Thị Bé H1, sinh năm 2000;
- Con ruột: Có 01 người;
- Tiền án, tiền sự: Chưa.
- Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.
- **Bị hại: Bùi Thị Quế A**, sinh năm 2003; (Xin xét xử vắng mặt)
- Địa chỉ: Đường S, ấp P, Thành phố Hồ Chí Minh.
- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Thái Duy N1**, sinh năm 1988;
- Địa chỉ: Nhà T, hẻm I, khu V, phường N, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 04/9/2025, Trần Văn T và Trang Văn Dư H bàn bạc với nhau đi tìm tài sản để trộm bán lấy tiền tiêu xài, cả hai sử dụng xe mô tô Yamaha Sirius biển kiểm soát 95E1-965.73 đi đến trung tâm thành phố C và thuê phòng số 9, nhà T, tổ A, khu V, phường C, thành phố Cần Thơ để ở và tìm cơ hội để đi lấy trộm tài sản. Đến khoảng 10 giờ ngày 05/9/2025, H điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius biển kiểm soát 95E1-965.73 chở T đi tìm tài sản lấy trộm, khi đi đến nhà trọ P tại số D, hẻm L tổ D, khu vực 6, phường T, thành phố Cần Thơ thì phát hiện xe mô tô Honda Future biển kiểm soát 83P3-797.09 của chị Bùi Thị Quế A đang đậu trước phòng trọ số 02 nhưng không có ai trông coi nên T đậu xe ở bên ngoài cạnh giới, còn H đi vào bên trong dắt xe mô tô Honda Future biển kiểm soát 83P3-797.09 ra ngoài rồi kè xe mô tô vừa lấy trộm được về phòng số 9, nhà trọ H cất giấu. Tại phòng số 9, T sử dụng dụng cụ tháo mặt nạ xe mô tô ra để kiểm tra có gắn định vị không và mở cốp xe mô tô để tìm cả vệt xe mô tô nhưng không phát hiện gì nên T gắn lại, rồi câu điện đề xe nổ máy. Đến 13 giờ cùng ngày, T và H mang xe mô tô Honda Future biển kiểm soát 83P3-797.09 vừa trộm được đến gặp Nguyễn Quốc T3 nói là xe lấy trộm của gia đình nhờ T3 tìm người mua xe này, T3 đồng ý và T3 liên hệ với Thái Duy N1 để nhờ N1 tìm người mua xe mô tô này nhưng T3 không nói cho N1 biết xe mô tô này do T, H lấy trộm, rồi T3 cùng H, T điều khiển xe mô tô này đến gặp N1 để gặp người mua xe; N1 liên hệ với Lương Huỳnh Vĩnh L2 để giúp T3 bán xe, khi T3, H, T mang xe đến gặp L2 thì có nói cho L2 biết đây là xe lấy trộm của gia đình, L2 không mua mà L2 liên hệ với Phạm Hải Đ1 nói rõ cho Đ1 biết xe mô tô này do lấy trộm mà có và Đ1 đồng ý mua với giá 8.000.000 đồng với điều kiện người bán phải viết giấy mua bán bao không tranh chấp, không trộm cắp, xe hợp lệ; Sau khi thỏa thuận giá cả xong, Đ1 kêu L2 đem xe mô tô và giấy mua bán xe lại tiệm sửa xe của Đ1 để giao, còn Đ1 chuyển khoản 8.000.000 đồng cho L2, rồi L2 chuyển khoản lại cho T3 8.000.000 đồng, sau đó T3 chuyển khoản lại cho L2 500.000 đồng là tiền huê hồng giúp môi giới bán xe, cho N1 300.000 đồng là tiền huê hồng giúp môi giới bán xe, cho T và H 4.500.000 đồng là tiền bán xe, T3 còn giữ lại 2.700.000 đồng. Sau đó, H và T lấy 1.500.000 đồng để mua ma túy về sử dụng tại phòng số 9, nhà trọ H rồi bị lực lượng chức năng phát hiện, khám xét thu giữ, tạm giữ được các vật chứng có liên quan.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 140/KL-HĐĐGTS ngày 28/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thành phố C kết luận: Giá trị còn lại của 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Future, màu đỏ xám, biển kiểm soát 83P3-797.09 bị lấy trộm ngày 05/9/2025 là 19.667.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Trang Văn Dư H, Trần Văn T, Nguyễn Quốc T3, Lương Huỳnh Vĩnh L2, Phạm Hải Đ1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Về thu giữ, tạm giữ và xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô Honda Future biển kiểm soát 83P3-797.09 (đã được lắp ráp lại), đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố C đã ra Quyết định xử lý vật chứng để trả lại chiếc xe mô tô bị lấy trộm này cho bị hại Bùi Thị Quế A.

- 01 xe mô tô Yamaha Sirius biển kiểm soát 95E1-965.73, đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố C đã ra Quyết định xử lý vật chứng để trả lại chiếc xe mô tô này cho chủ xe Trần Văn T6 do ông T6 không biết bị can Trần Văn T mượn xe mô tô này để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản.

- 02 cây đoản bằng kim loại, đã qua sử dụng.

- 01 cây ống điều bằng kim loại, đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A7 màu đen, số kiểu máy: SM-A750GN/DS, số sê-ri: R58KA4DXEQW, đã qua sử dụng.

- Tiền Việt Nam: 3.500.000 đồng.

- Biển kiểm soát xe 95E1-500.54.

Đối với hành vi liên quan đến việc tàng trữ, tổ chức sử dụng, sử dụng trái phép chất ma túy của Trang Văn Dư H, Trần Văn T, Nguyễn Quốc T3 thì Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố C đã có văn bản chuyển đến cơ quan có thẩm quyền tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Thái Duy N1 do không biết tài sản mà bị can Nguyễn Quốc T3 nhờ tìm người mua là tài sản do trộm cắp mà có nên chưa đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Bùi Thị Quế A đã nhận lại tài sản bị mất trộm (đã được lắp ráp lại và sửa chữa như tình trạng ban đầu) và không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra giải quyết.

Tại bản Cáo trạng số: 69/CT-VKS ngày 31 tháng 12 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ truy tố Trang Văn Dư H, Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Phạm Hải Đ1, Nguyễn Quốc T3, Lương Huỳnh Vĩnh L2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Các Bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại Bùi Thị Quế A có đơn xin xét xử vắng mặt, thống nhất như lời trình bày trong quá trình điều tra.

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng, không bổ sung gì thêm, đồng thời phân tích tính chất, mức độ, tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trang Văn Dư H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù;

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù;

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 323; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Hải Đ1 từ 06 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật;

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 323; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T3 từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng buộc bị cáo nộp sung công quỹ Nhà nước;

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 323; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lương Huỳnh Vĩnh L2 từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng buộc bị cáo nộp sung công quỹ Nhà nước;

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đề nghị công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã giao trả cho bị hại Bùi Thị Quê A 01 xe mô tô Honda Future biển kiểm soát 83P3-797.09 (đã được lắp ráp lại), đã qua sử dụng;

Công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã giao trả 01 xe mô tô Yamaha Sirius biển kiểm soát 95E1-965.73, đã qua sử dụng cho ông Trần Văn T6, do ông T6 không biết bị cáo T mượn xe để đi trộm cắp;

Đề nghị tịch thu tiêu hủy các công cụ dùng vào việc phạm tội:

- + 02 cây đoản bằng kim loại, đã qua sử dụng;
- + 01 cây ống điều bằng kim loại, đã qua sử dụng;
- + Biển kiểm soát xe 95E1-500.54;

Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước các phương tiện dùng vào việc phạm tội và tiền do phạm tội mà có gồm:

- + 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A7 màu đen, số kiểu máy: SM-A750GN/DS, số sê-ri: R58KA4DXEQW, đã qua sử dụng;
- + Tiền Việt Nam: 3.500.000 đồng;

Buộc các bị cáo Trang Văn Dư H và Trần Văn T nộp lại số tiền thu lợi bất chính 4.500.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra và truy tố đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị

cáo, bị hại và người tham gia tụng tố tụng khác không ai khiếu nại gì về thủ tục tố tụng; Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, tuy nhiên việc vắng mặt không trở ngại cho việc xét xử đối với các bị cáo, nên căn cứ Khoản 1 Điều 291 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Về tội danh và hình phạt:

Do có ý định tìm tài sản để trộm cắp, nên vào khoảng 15 giờ ngày 04/9/2025 Trần Văn T và Trang Văn Dư H cả hai sử dụng xe mô tô Yamaha Sirius biển kiểm soát 95E1-965.73 đi đến trung tâm thành phố C và thuê phòng số 9, nhà T, tổ A, khu V, phường C, thành phố Cần Thơ để ở và tìm cơ hội để đi lấy trộm tài sản. Đến khoảng 10 giờ ngày 05/9/2025, H điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius biển kiểm soát 95E1-965.73 chở T đi tìm tài sản lấy trộm, khi đi đến nhà trọ P tại số D, hẻm L tổ D, khu vực 6, phường T, thành phố Cần Thơ thì phát hiện xe mô tô Honda Future biển kiểm soát 83P3-797.09 của chị Bùi Thị Quế A đang đậu trước phòng trọ số 02 nhưng không có ai trông coi nên T đậu xe ở bên ngoài cạnh giới, còn H đi vào bên trong dắt xe mô tô Honda Future biển kiểm soát 83P3-797.09 ra ngoài rồi kè xe mô tô vừa lấy trộm được về phòng số 9, nhà trọ H cất giấu. Tại phòng trọ T sử dụng dụng cụ tháo mặt nạ xe mô tô ra để kiểm tra có gắn định vị không và mở cốp xe mô tô để tìm cả vệt xe mô tô nhưng không phát hiện gì nên T gắn lại, rồi câu điện đề xe nổ máy.

Đến 13 giờ cùng ngày, T và H mang xe mô tô Honda Future biển kiểm soát 83P3-797.09 vừa trộm được đến gặp Nguyễn Quốc T3 nói là xe lấy trộm của gia đình nhờ T3 tìm người mua xe này, T3 đồng ý và T3 liên hệ với Thái Duy N1 để nhờ N1 tìm người mua xe mô tô này nhưng T3 không nói cho N1 biết xe mô tô này do T, H lấy trộm, rồi T3 cùng H, T điều khiển xe mô tô này đến gặp N1 để gặp người mua xe; N1 liên hệ với Lương Huỳnh Vĩnh L2 để giúp T3 bán xe, khi T3, H, T mang xe đến gặp L2 thì có nói cho L2 biết đây là xe lấy trộm của gia đình, L2 không mua mà L2 liên hệ với Phạm Hải Đ1 nói rõ cho Đ1 biết xe mô tô này do lấy trộm mà có và Đ1 đồng ý mua với giá 8.000.000 đồng với điều kiện người bán phải viết giấy mua bán bao không tranh chấp, không trộm cắp, xe hợp lệ; Sau khi thỏa thuận giá cả xong, Đ1 kêu L2 đem xe mô tô và giấy mua bán xe lại tiệm sửa xe của Đ1 để giao, còn Đ1 chuyển khoản 8.000.000 đồng cho L2, rồi L2 chuyển khoản lại cho T3 8.000.000 đồng, sau đó T3 chuyển khoản lại cho L2 500.000 đồng là tiền huê hồng giúp môi giới bán xe, cho N1 300.000 đồng là tiền huê hồng giúp môi giới bán xe, cho T và H 4.500.000 đồng là tiền bán xe, T3 còn giữ lại 2.700.000 đồng. Sau đó, H và T lấy 1.500.000 đồng để mua ma túy về sử dụng tại phòng số 9, nhà trọ H rồi bị lực lượng chức năng phát hiện, khám xét thu giữ, tạm giữ được các vật chứng có liên quan.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 140/KL-HĐĐGTS ngày 28/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thành phố C kết luận: Giá trị còn lại của 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Future, màu đỏ xám, biển kiểm soát 83P3-797.09 bị lấy trộm ngày 05/9/2025 là **19.667.000 đồng**.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người bị hại, người chứng kiến, kết luận định giá, dữ liệu điện tử trích xuất camera và các chứng cứ khác có trong hồ sơ và đã được thẩm tra lại tại phiên tòa. Do đó xét thấy hành vi của các bị cáo Trang Văn Dư H, Trần Văn T đã thực hiện trộm cắp tài sản của bị hại Bùi Thị Quế A có giá trị **19.667.000 đồng**, nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với các bị cáo Phạm Hải Đ1, Nguyễn Quốc T3, Lương Huỳnh Vĩnh L2 khi được các bị cáo T và H nói lại xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Future, màu đỏ xám, biển kiểm soát 83P3-797.09 là xe trộm cắp mà có, nhưng các bị cáo T3, L2 vẫn làm trung gian giới thiệu bán xe nêu trên cho bị cáo Đ1 để hưởng lợi, bị cáo Đ1 cũng được bị cáo L2 nói lại là xe trộm cắp mà có, nhưng bị cáo Đ1 vẫn mua xe và thanh toán tiền; Do đó xét thấy hành vi của các bị cáo Đ1, T3, L2 đã biết rõ xe mô tô nêu trên là do trộm cắp mà có, nhưng các bị cáo vẫn đồng ý tiêu thụ bằng hình thức mua xe này để hưởng lợi, nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo H, T là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng tình hình an ninh trật tự ở địa phương; Hành vi của các bị cáo Đ1, T3, L2 đã trực tiếp xâm phạm vào trật tự công cộng, gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội. Các bị cáo H, T tuy có khả năng lao động, nhưng lại lười lao động, chỉ muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để thỏa mãn cho nhu cầu cá nhân; Đối với các bị cáo Đ1, T3, L2 vì vụ lợi, mua xe trộm cắp với giá rẻ, để hưởng lợi cho cá nhân.

Về tính chất, vai trò phạm tội của các bị cáo H và T là đồng phạm giản đơn, các bị cáo là bạn bè với nhau, cùng nhau bàn bạc đi tìm tài sản để trộm cắp, khi phát hiện tài sản thì bị cáo H là người thực hiện hành vi vào trộm xe mô tô dắt ra, T là người cảnh giới và khi lấy được xe, T kè xe vừa trộm được về phòng trọ, sau đó cả hai bị cáo cùng nhau tìm nơi tiêu thụ; Đối với bị cáo T trước đó đã bị Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ (cũ) xử phạt 05 năm 06 tháng tù cũng về tội trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong ngày 19/11/2022, đến ngày 05/9/2025 thì tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản trong vụ án này, là chưa hết thời gian được xem là đương nhiên xóa án tích, nên thuộc trường hợp tái phạm, nên hình phạt áp dụng đối với bị cáo T phải cao hơn bị cáo H. Hình phạt đối với các bị cáo phải tương xứng, cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian tương đối mới phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với bị cáo Phạm Hải Đ1 khi được bị cáo Lương Huỳnh Vĩnh L2 thông báo có xe trộm cắp mà có, bị cáo Đ1 biết rõ nhưng vẫn trực tiếp mua xe, bị cáo Đ1 là người giữ vai trò chính của tội “Tiêu thụ tài sản do người phạm tội mà có”, nên hình phạt áp dụng cho bị cáo Đ1 phải cao hơn các bị cáo T3 và L2; Đối với các bị cáo Nguyễn Quốc T3 và Lương Huỳnh Vĩnh L2 giữ vai trò trung gian giúp sức, giới thiệu cho bị cáo Đ1 để mua tài sản do phạm tội mà có, để hưởng lợi huê hồng, trong đó bị cáo T3 là người giữ vai trò nhận tiền bán xe và giao cho các bị cáo H, T và trả tiền môi giới bán xe cho bị cáo L2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là N1 và hưởng lợi môi giới tiền bán xe nhiều hơn, bản thân bị cáo T3 cũng có tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nên hình phạt áp dụng đối với bị cáo T3 phải cao hơn bị cáo L2; Hình phạt áp dụng cho các bị cáo phải tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mà các bị cáo gây ra.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo phần nào như các bị cáo có thành khẩn khai báo, có thể hiện ăn năn hối cải; Các bị cáo H, Đ1, T3, L2 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Ngoài ra, bị cáo Đ1 mặc dù có vai trò chính trong tội phạm “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tuy nhiên bị cáo Đ1 có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; bị cáo Đ1 không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Do bị cáo Đ1 có nhiều tình tiết

giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, nên không cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, mà chỉ cần áp dụng biện pháp miễn chấp hành phạt tù có điều kiện là án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội; Đối với các bị cáo còn lại hình phạt áp dụng đối với các bị cáo như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, có căn cứ đúng quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

Đối với bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo, nên ghi nhận.

[3]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ pháp luật.

[4]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Trang Văn Dư H** và bị cáo **Trần Văn T** phạm tội: “**Trộm cắp tài sản**”.

Các bị cáo **Phạm Hải Đ1, Nguyễn Quốc T3, Lương Huỳnh Vĩnh L2** phạm tội “**Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có**”.

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; Điểm s 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 47 Bộ luật Hình sự;

- Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn T 02 (Hai) năm tù,**

Thời hạn tù tính từ ngày 06/9/2025.

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 47 Bộ luật Hình sự;

- Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Trang Văn Dư H 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù,**

Thời hạn tù tính từ ngày 06/9/2025.

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 323; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 47 Bộ luật Hình sự;

- Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Hải Đ1 01 (Một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm, tính từ ngày tuyên án.**

Giao bị cáo Phạm Hải Đ1 cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục đối với bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 323; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 47 Bộ luật Hình sự;

- Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Quốc T3 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng),**

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc T3 nộp sung công quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 323; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 47 Bộ luật Hình sự;

- Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Lương Huỳnh Vĩnh L2 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)**

Buộc bị cáo Lương Huỳnh Vĩnh L2 nộp sung công quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã giao trả cho bị hại Bùi Thị Quế A 01 xe mô tô Honda Future biển kiểm soát 83P3-797.09 (đã được lắp ráp lại), đã qua sử dụng;

- Công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã giao trả 01 xe mô tô Yamaha Sirius biển kiểm soát 95E1-965.73, đã qua sử dụng cho ông Trần Văn T6;

- Tịch thu tiêu hủy các công cụ dùng vào việc phạm tội, gồm:

+ 02 cây đoản bằng kim loại, đã qua sử dụng;

+ 01 cây ống điều bằng kim loại, đã qua sử dụng;

+ Biển kiểm soát xe 95E1-500.54;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước các phương tiện dùng vào việc phạm tội và tiền do phạm tội mà có, gồm:

- + 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A7 màu đen, số kiểu máy: SM-A750GN/DS, số sê-ri: R58KA4DXEQW, đã qua sử dụng;
- + Tiền Việt Nam: 3.500.000 đồng;

- Buộc các bị cáo Trần Văn T và Trang Văn Dư H có trách nhiệm liên đới nộp lại số tiền thu lợi bất chính là **4.500.000 đồng** (Bốn triệu, năm trăm ngàn đồng).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Trang Văn Dư H, Trần Văn T, Phạm Hải Đ1, Nguyễn Quốc T3, Lương Huỳnh Vĩnh L2 mỗi bị cáo phải nộp **200.000 đồng** (Hai trăm ngàn đồng) tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các bị cáo có quyền kháng cáo; Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân TP. Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân TP. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Cần Thơ;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-Cần Thơ;
- Các cơ quan khác theo quy định pháp luật;
- Các bị cáo và bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

BÙI XUÂN ÁNH